

令和 6 年 10 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	北島 康弘	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	51.5 t	7.57	3.2 cm	15.1 °C	
放流水量	50.1 t	7.56	50.0 cm	16.1 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	322 KWH	3,537 KWH	5.53 t	
日平均使用量	10.4 KWH	114.1 KWH	0.18 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	10台: 5.55t	22台: 43.57t	31台: 20.59t	3台: 22.52t	3台: 4.55t	
前月累計	52台: 18.35t	139台: 270.50t	190台: 134.73t	17台: 130.84t	8台: 17.42t	
年度計	62台: 23.90t	161台: 314.07t	221台: 155.32t	20台: 153.36t	11台: 21.97t	

小計	
月計	69台: 96.78 t
前月累計	406台: 571.84 t
年度計	475台: 668.62 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	69台: 96.78 t
前月累計	0.40 t	406台: 572.24 t
年度計	0.40 t	475台: 669.02 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	36台	242 m ³
前月累計	171台	1,430 m ³
年度計	207台	1,672 m ³

項目	日
搬入日数	21
日平均搬入数量	4.61 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	73.89 t	59台	スケール分散剤	40.00 kg
5	118.90 t	88台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	96.15 t	69台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	100.96 t	65台	固形塩素剤	3.00 kg
8	97.46 t	68台	脱水助剤 104	kg
9	84.88 t	57台	脱水助剤 94b	kg
10	96.78 t	69台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	669.02 t	475台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	20 °C	24 °C	13 °C
2	曇	18 °C	21 °C	15 °C
3	曇	14 °C	16 °C	9 °C
4	曇/雨	11 °C	14 °C	10 °C
5		°C	°C	°C
6		°C	°C	°C
7	曇	14 °C	17 °C	8 °C
8	晴	15 °C	18 °C	13 °C
9	晴	9 °C	17 °C	6 °C
10	晴	11 °C	18 °C	4 °C
11	晴	11 °C	17 °C	5 °C
12		°C	°C	°C
13		°C	°C	°C
14		°C	°C	°C
15	曇	18 °C	21 °C	11 °C
16	晴	17 °C	17 °C	13 °C
17	晴	10 °C	18 °C	5 °C
18	晴/曇	10 °C	17 °C	4 °C
19		°C	°C	°C
20		°C	°C	°C
21	晴/曇	7 °C	13 °C	-1 °C
22	晴/曇	14 °C	19 °C	9 °C
23	雨/曇	17 °C	17 °C	13 °C
24	晴	15 °C	18 °C	13 °C
25	晴	10 °C	15 °C	4 °C
26		°C	°C	°C
27		°C	°C	°C
28	曇/雨	12 °C	13 °C	3 °C
29	晴/曇	11 °C	13 °C	2 °C
30	晴	7 °C	13 °C	2 °C
31	晴	10 °C	14 °C	7 °C